TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HS-PT
Ngày 31 - 5 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thúy Mai và ông Nguyễn Vĩnh Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2022/TLPT-HS ngày 18 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Ôn Đức C do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2022/HS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Ôn Đức C, sinh ngày 08 tháng 7 năm 1987 tại Tuyên Quang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ôn Thái I và bà Miêu Thị T; có vợ là Đặng Thị H và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện tại ngoại tại địa phương, (có mặt)

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa năm 2019, anh Trần Văn U có vay nợ của Ôn Đức C nhiều lần với tổng số tiền là 7.400.000đ, do không có tiền nên U trốn tránh không trả

nợ cho C. Ngày 01/10/2020, C thuê xe taxi do anh Nguyễn Văn Đ cùng xã điều khiển đi từ Tuyên Quang đến huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc có việc. Khoảng 21 giờ cùng ngày, C nhìn thấy U đang ngồi uống bia tại quán bia Q2 thuộc địa phận thôn N, xã K, huyện B nên C gọi điện cho Kiều Quang O mục đích bảo O đến cùng đòi tiền U, O đồng ý và gọi Kiều Quốc A, Vũ Duy D và một người nam giới tên là F đi cùng đến để hỗ trợ C đòi tiền U, tất cả cùng đồng ý. O đi taxi qua đón O, A và F rồi đến gặp C. Khi đến quán Q2, nhóm C vào gặp U đang ngồi uống bia với bạn. Thấy nhóm C vào đông nên các bạn của U bỏ về, chỉ còn lại một mình U. C ngồi xuống cạnh U còn O và đồng bọn đứng xung quanh. C yêu cầu U trả nợ nhưng U xin khất nợ vì không có tiền. Do U nợ tiền đã lâu, lại trốn tránh không trả nên C không đồng ý mà bắt U trả nợ cho C. Lúc này, C quan sát thấy quán bia đông người, sợ bạn của U quay lại nên C đã yêu cầu U đi cùng nhóm C đến một nơi khác nói chuyện. Do chỉ có một mình, lại là người của tỉnh khác đến, thấy nhóm của C đông nên U sợ bị đánh, buộc phải đồng ý đi theo nhóm của C. Khi ra đến cửa quán, U nói muốn tự điều khiển xe máy BKS: 22B2- 293.42 (xe máy U mượn của anh Phạm Tiến X, bạn của U) đi theo sau nhưng C sợ U bỏ trốn nên không đồng ý. C bắt U lên xe taxi do O đi đến; O giao cho F điều khiển xe máy BKS: 22B2- 293.42 chở Kiều O còn O và A lên xe taxi cùng U, mục đích để trông giữ không cho U bỏ trốn. C lên xe taxi do anh Đàm điều khiển đi theo xe taxi chở O. O và C đưa U cùng cả nhóm đến quán trà chanh ở ngã tư thị trấn Q, huyện B để nói chuyện. Tại đây, nhóm của C ngồi xung quanh U, yêu cầu U trả nợ nhưng U bảo không có tiền và hỏi cụ thể nợ cả gốc và lãi là bao nhiêu thì C nói lãi theo lãi suất Ngân hàng Nông nghiệp rồi C bảo O tính lãi. O tính cả gốc và lãi là 30.000.000đ. Khi nghe O nói thì C hiểu O đang tính lãi suất cao hơn lãi suất Ngân hàng nhưng C không phản đối, yêu cầu U phải trả số tiền 30.000.000đ, nếu không có tiền thì gọi điện về cho gia đình để trả nợ hộ. Tuy nhiên, qua điện thoại bố mẹ của U không đồng ý trả nợ hộ U rồi tắt máy. Lúc này do có việc gia đình nên C ra về. Trước khi ra về, C không cho U đi về mà giao U cho nhóm O tiếp tục giữ anh U lại để ép trả nợ. C nói với O: "các chú giúp anh thu được tiền gốc, còn lãi bao nhiêu anh cho các chú". Ý của C là nhờ nhóm của O đòi nợ hộ số tiền gốc là 7.400.000đ, còn tiền lãi 22.600.000đ thì C trả cho nhóm O làm tiền công. O hiểu ý của C và đồng ý. Sau đó C ra về. Lúc này O dự định sẽ giữ U để chờ gia đình U đem tiền đến trả nợ nên O bảo với Kiều O, A, F đưa U về phòng trọ của A ở ngõ Y, đường W,

phường L, thành phố V và trông giữ U tại phòng trọ, không cho U bỏ chạy. Tại phòng trọ của A, O chỉ đạo A, Kiều O cho U viết 1 giấy vay tiền nội dung U nợ Kiều O số tiền 30 triệu đồng và 1 giấy cắm xe môtô BKS: 22B2- 293.42 cho Kiều O. O hứa hẹn sẽ chia cho Kiều O 40% số tiền lãi trên số tiền nợ của U thì Kiều O, A đồng ý và ép U phải viết giấy nhận nợ và giấy cắm xe. Do sợ hãi, tay run, U không viết được nên O bảo A viết hộ U nội dung là U vay tiền Kiều Quốc A số tiền 30 triệu đồng rồi cho U và Kiều O ký tên. Sau đó O ra về và chỉ đạo A, Kiều O phải để ý, trông coi U không để U bỏ trốn. Kiều O cất giữ giấy vay tiền và giấy cắm xe, F ra về đi đâu không rõ còn Kiều O, A, U ngủ tại phòng trọ. Chiều ngày 02/10/2020, Khổng Văn O, Kiều Văn Z và Lê Việt J cùng thuê trọ gần phòng của Kiều O và là bạn bè cùng quê bị chủ nhà không cho thuê trọ. Do vậy, khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày J, Z và Khổng O đến phòng trọ của Kiều O. J và Z đến trước, Z để ba lô quần áo trong phòng trọ của Kiều O rồi đi ra quán nước của chị Đặng Thị M là chủ phòng trọ của Kiều O ngồi uống nước, còn J đi vào phòng trọ và gặp U. Tại đây, A nói với J về việc U nợ tiền C nên giữ ở đây để đòi nợ và bảo J để ý, trông coi U. Do là bạn bè nên J đồng ý giúp A trông giữ U. Sau đó Khổng O đến nhờ Kiều O chở đi tìm phòng trọ, trên đường đi Kiều O kể cho Khổng O nghe về việc U nợ tiền, đang giữ U để ép người nhà mang tiền lên trả, đồng thời giữ chiếc xe máy BKS: 22B2-293.42 để ép U trả tiền. Kiều O nhờ Khổng O giúp trông coi U, do là bạn bè nên Khổng O đồng ý giúp sức cho Kiều O. Khoảng 17 giờ cùng ngày, A, J, Kiều O, Khổng O, Z và U ngồi uống nước ở quán nước của chị M, tại đây A dùng điện thoại của U gọi cho anh trai của U hẹn gặp để trả tiền thì Z biết U đang nợ tiền nhóm A, đang bị giữ ở đây người nhà phải trả tiền mới cho về. Sau khi nói chuyện, Z đi ra quán game gần phòng trọ chơi game.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, A gọi cho Z rủ đi cùng đưa U xuống Khu công nghiệp Bá Thiện để gặp anh của U lấy tiền thì Z đồng ý đi về phòng trọ, người nam giới tên F cũng đến phòng trọ, sau đó Kiều O gọi 02 chiếc taxi ở ven đường (không rõ thuộc hãng nào) đến đón nhóm của Kiều O đưa đi gặp anh trai của U. Kiều O, Khổng O, F lên 01 chiếc taxi đi trước và dặn A, Z, J đưa U đi xe taxi sau. A và Kiều O hẹn gặp nhau tại vòng xuyến trại Cúp, huyện B; Khi xe taxi đưa Kiều O đến đây thì O có gặp Khổng Kim Q1 là bạn bè ngoài xã hội với Kiều O đang ở đó. Do có quen biết từ trước nên Kiều O rủ Q1 đi cùng, nói là đi uống nước cùng bạn của Kiều O thì Q1 đồng ý, lên xe taxi đi cùng Kiều O. Sau

đó Kiều O, Khổng O, F, Q1, A, J, Z và U đến quán nước trên đường 36 gần cổng khu công nghiệp Bá Thiện gặp anh Trần Văn T1 và Trần Văn L1 là anh trai của U để yêu cầu hai anh trả tiền nợ cho U, tuy nhiên anh T1 và anh L1 không có tiền trả nên nhóm O lại đưa U quay lại phòng trọ của A. Lúc này F, Q1 ra về, còn Z lấy đồ đi Hà Nội làm thuê. Sau đó Kiều O, Khổng O về phòng trọ của Khổng O mới thuê để ngủ, còn A, J đưa U về phòng trọ của Kiều O để trông giữ. Khoảng 23 giờ cùng ngày, Kiều O sử dụng điện thoại của U gọi điện cho anh Phạm Tiến X là chủ xe mô tô BKS: 22B2- 293.42. Qua điện thoại, Kiều O dọa anh Hiệu nếu không mang 5.000.000đ lên chuộc xe thì Kiều O sẽ mang xe của Hiệu đi bán. Anh Hiệu sợ O bán mất xe máy của mình nên đồng ý. Kiều O có gọi điện cho O thông báo về việc anh Hiệu sẽ trả tiền chuộc xe thì O đồng ý và cho nhóm Kiều O được sử dụng số tiền này. Sáng ngày 03/10/2020, anh Hiệu mang 5.000.000đ lên đưa Kiều O để chuộc xe máy về. Lúc Kiều O gặp anh Hiệu có Khổng O, J và A đi cùng. Số tiền này, Kiều O, A, Khổng O, J đã tiêu xài hết.

Với hành vi phạm tội nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2022/HS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Ôn Đức C phạm tội phạm tội: "Bắt giữ người trái pháp luật" và "Cưỡng đoạt tài sản";

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Ôn Đức C 01 (Một) năm tù về tội "Bắt giữ người trái pháp luật"; 02 (Hai) năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội là 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên bố tội danh và quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác trong cùng vụ án, quyết định xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 02 năm 2022, bị cáo Ôn Đức C có đơn kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2022/HS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Bị cáo Ôn Đức C giữ nguyên nội dung kháng cáo và xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới là Công văn số 778/CV-CQCSĐT ngày 22 tháng 12 năm

2021 và Công văn số 23/CV-CQĐT ngày 20/4/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang xác nhận việc bị cáo đã tích cực giúp cơ quan điều tra huyện S trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Ôn Đức C, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ôn Đức C; giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Ôn Đức C làm trong thời hạn luật định được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc kU nại gì do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo Ôn Đức C đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 01/10/2020, Ôn Đức C có hành vi cùng với Kiều Quang O và các đồng phạm bắt anh Trần Văn U đi từ quán bia Q2 thuộc thôn N, xã K, huyện B đến quán nước ở ngã tư
thị trấn Q (cách 2km) và giữ anh U ở quán nước mục đích để đòi số tiền 30.000.000đ. Sau đó C giao cho O cùng các đồng phạm đòi nợ anh U và hứa trả công cho O cùng cả nhóm số tiền 22.600.000đ. Từ đêm
ngày 01/10/2020 đến chiều ngày 03/10/2020, tại phòng trọ ở ngõ 6 đường Nguyễn Tất Thành, phường K, thành phố V, Kiều Quang O, Kiều Quốc A, Vũ Duy D, Lê Việt J, Khổng Văn O, Kiều Văn Z đã có hành vi giữ anh Trần Văn U trái pháp luật. Ngoài ra, O, Kiều

O, A bắt anh U viết giấy nhận nợ số tiền 30.000.000đ và cầm cố xe máy biển kiểm soát 22B2 - 293.42, mục đích để ép anh U phải trả nợ số tiền gốc 7.400.000đ cho Ôn Đức C và nhận 22.600.000đ tiền nợ lãi từ số tiền trên làm tiền công. Đồng thời, từ đêm ngày 02/10/2020 đến sáng ngày 03/10/2020, Kiều Quốc A thông qua ý kiến của Kiều Quang O đã cùng với Khổng Văn O, Lê Việt J, Vũ Duy D, dùng thủ đoạn uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể gọi điện đe dọa anh Phạm Tiến X là chủ sở hữu xe máy biển kiểm soát 22B2 – 293.42 nếu không đưa số tiền 5.000.000đ cho Kiều O để chuộc xe thì sẽ mang xe máy của anh Hiệu đi bán. Do lo sợ bị mất xe máy nên sáng ngày 03/10/2020, anh Hiệu đã đưa số tiền 5.000.000đ cho Kiều Quốc A, Khổng Văn O, Lê Việt J, Vũ Duy D.

Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Ôn Đức C và các đồng phạm về tội "Bắt giữ người trái pháp luật", "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, thân thể, tự do và danh dự của con người, quyền tự do của công dân; xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân, xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh của xã hội. Những hành vi đó làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Ôn Đức C xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Ôn Đức C là người giữ vai trò chính, là người khởi xướng, phân công, chỉ đạo Kiều Quang O cùng đồng phạm đưa U từ quán bia Q2 thuộc thôn N, xã K đến quán nước ở ngã tư thị trấn Q và giữ U ở quán nước khoảng 1 giờ, mục đích để ép buộc U trả nợ. Tại quán nước, C có hành vi yêu cầu U phải trả tiền gốc và lãi tổng là 30.000.000đ, trong đó tiền gốc là 7.400.000đ, tiền lãi là 22.600.000đ. Từ hành vi phạm tội của bị cáo dẫn đến các bị cáo khác trong vụ án tham gia thực hiện các tội phạm khác. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét một cách khách quan, toàn diện về hành vi phạm tội, tính chất của vụ án, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, từ đó đã áp dụng pháp luật, xử phạt bị cáo 01 (Một) năm tù về tội "Bắt giữ người trái pháp luật"; 02 (Hai) năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" là có căn cứ, đúng pháp luật. Mặc dù, sau khi xét xử sơ

thẩm bị cáo đã có thành tích cung cấp thông tin giúp Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang phát hiện tội phạm nhưng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cũng không có căn cứ pháp luật để giảm nhẹ hình phạt được nữa, đồng thời do bị cáo phạm hai tội, trong đó có tội nghiêm trọng nên bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Điều 65 Bộ luật Hình sự, nên cần giữ nguyên mức hình phạt tù như quyết định của bản án sơ thẩm và như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thì mới có đủ thời gian vừa trừng trị, vừa giáo dục đối với bị cáo và mới đảm bảo được tính răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Án phí: Kháng cáo của bị cáo Ôn Đức C không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ôn Đức C, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2022/HS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc về hình phạt.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Ôn Đức C 01 (Một) năm tù về tội "Bắt giữ người trái pháp luật"; 02 (Hai) năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo pháp chấp hành chung cho cả hai tội là 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Án phí: Buộc bị cáo Ôn Đức C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND thành phố V;
- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Công an thành phố V;
- THADS thành phố V;
- Bị cáo;
- Lưu HS; Tòa hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hà